

Số: 23 /NQ-HĐND

Thuận Lợi, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn xã Thuận Lợi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 5348/STC-ĐT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Sở Tài chính về thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026 đối với các xã phường trên địa bàn tỉnh;

Xét tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về đề nghị giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Thuận Lợi; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BKTNS ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Thuận Lợi, như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 734.911 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh đề nghị xem xét bố trí: 445.000 triệu đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: 114.200 triệu đồng.

3. Vốn ngân sách địa phương: 175.711 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung: 66.495 triệu đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết: 39.216 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 70.000 triệu đồng.

(kèm theo các biểu chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo hướng dẫn của Sở Tài chính và trình Hội đồng nhân dân xã thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi khoá XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- UBND, BTTUBMTTQVN xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH *ly*

Bùi Thị Minh Thúy

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 23 NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn Vốn dự kiến	Giai đoạn 2026-2030
	TỔNG SỐ	734.911
I	VỐN TỈNH HỖ TRỢ	559.200
1	Vốn ngân sách tỉnh đề nghị xem xét bố trí	445.000
2	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	114.200
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	175.711
1	Vốn ngân sách cấp xã	105.711
2	Nguồn thu sử dụng đất	70.000
3	Kinh phí chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026-2030	5.000
4	Kinh phí dự phòng	17.571

PHỤ LỤC I

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 33 NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)			Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMDT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG				445.000	445.000			445.000	445.000	
A	Phân bổ chi tiết				0						
B	Dự kiến Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030										
I	Giao thông		Giao Thông		245.000				245.000	245.000	
1	10.1 - Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường kết nối ĐT758 với Quốc lộ 14 qua Khu di tích quốc gia Chi bộ Phú Riềng Đỏ và cầu Bưng Sê đi phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai		245.000				245.000	245.000	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		200.000				200.000	200.000	
1	3 - Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Chưa có mã	Xây dựng trường THCS và THPT Thuận Lợi		200.000				200.000	200.000	

PHỤ LỤC II

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)			Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Luỹ kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG				114.200	114.200			114.200	114.200	
A	Phân bổ chi tiết				114.200	114.200			114.200	114.200	
B	Dự kiến Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030										
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				39.500	39.500			39.500	39.500	
1	6.2 - Văn hóa	Chưa có mã	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng, sân bóng đá nhân tạo và các hạng mục phụ trợ Xã Thuận Lợi	Không có	7.500	7.500			7.500	7.500	
2	6.2 - Văn hóa	Chưa có mã	Xây dựng cổng, hàng rào và các công trình phụ trợ nhà văn hóa các ấp Xã Thuận Lợi.	Không có	17.000	17.000			17.000	17.000	
3	Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường BTXM trên địa bàn xã		15.000	15.000			15.000	15.000	
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				1.500	1.500			1.500	1.500	

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)			Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Luỹ kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMDT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	13 - Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	Chưa có mã	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Không có	1.500	1.500			1.500	1.500	
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				73.200	73.200			73.200	73.200	
1	3 - Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Chưa có mã	Xây dựng 02 phòng học và các hạng mục phụ trợ 02 điểm lẻ (điểm Suối Băng và điểm Dân Tộc) Trường TH và THCS Thuận Lợi	Không có	2.700	2.700			2.700	2.700	
2	6.2 - Văn hóa	Chưa có mã	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ ấp Thuận Tân, Xã Thuận Lợi	Không có	2.000	2.000			2.000	2.000	
3	10.1 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ ĐT 758 vào xóm Châm Sa, ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi	Không có	17.000	17.000			17.000	17.000	
4	10.1 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ cầu xóm Châm Sa đến ngã ba cây xăng dầu Sơn Hải, Xã Thuận Lợi	Không có	25.000	25.000			25.000	25.000	
5	6.2 - Văn hóa	Chưa có mã	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ ấp Thuận Tiến, Xã Thuận Lợi	Không có	2.000	2.000			2.000	2.000	
6	13 - Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	Chưa có mã	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Không có	5.000	5.000			5.000	5.000	

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)			Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	10.1 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ ngã ba bờ đập đi qua Trung tâm nuôi trồng Thủy sản (cầu suối Bui) đến ngã ba dôi Múm, Xã Thuận Lợi	Không có	19.500	19.500			19.500	19.500	

PHỤ LỤC III

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)				Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Luỹ kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMBT							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh giao	Trong đó NS xã					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG				175.711	105.711	70.000			105.711	70.000	
A	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030				0							
B	Kinh phí chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 dự kiến				5.000					5.000	5.000	
C	Kinh phí dự phòng dự kiến				17.571					17.571	17.571	
D	Dự kiến Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030				153.140							
I	Quy hoạch		Quy hoạch		10.000							
1	1- Quy hoạch	Chưa có mã	Lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư Xã Thuận Lợi		10.000					10.000	10.000	

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)				Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMĐT							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh giao	Trong đó NS xã					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12
II	Giao thông		Giao Thông		102.429					102.429	102.429	
1	10.1 - Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường từ khu di tích Chi bộ Phú Riềng Đỏ (Địa điểm thành lập Chi bộ Đồng Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng) đến phường Bình Phước và phường Đồng Xoài		40.000					40.000	40.000	
2	10.2 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ cổng Công ty Cao su Đồng Phú đến nhà ông Ngà ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Lợi		2.300					2.300	2.300	
3	10.3 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ ngã ba chùa Thanh Phú đến ngã ba nhà ông Thới ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Lợi		4.000					4.000	4.000	
4	10.4 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ nhà ông Quyết đến nhà ông Minh khu Làng 3 ấp Thuận Hải, xã Thuận Lợi		3.000					3.000	3.000	
5	10.5 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp thảm bê tông nhựa các đường khu dân cư tập trung ấp Thuận Phú 2, Xã Thuận Lợi		8.500					8.500	8.500	
6	10.6 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ ngã ba bờ đập đi qua Trung tâm nuôi trồng Thủy sản (cầu suối Bui) đến ngã ba đò Mù, xã Thuận Lợi		16.500					16.500	16.500	
7	10.7 - Giao thông	Chưa có mã	Nâng cấp láng nhựa đường từ ĐT 758 vào xóm Châm Sa, ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi		13.129					13.129	13.129	
8	10.8 - Giao thông	Chưa có mã	Xây dựng đường BTXM trên địa bàn xã		15.000					15.000	15.000	

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)				Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMDT							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh giao	Trong đó NS xã					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		11.711					11.711	11.711	
1	3 - Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Chưa có mã	Xây dựng nhà thi đấu Đa năng, hàng rào, hệ thống thoát nước Trường THCS Thuận Phú		8.500					8.500	8.500	
2	3 - Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Chưa có mã	Xây dựng cổng hàng rào, nhà xe, nhà vệ sinh, sân lát gạch (điểm A) Trường TH và THCS Thuận Lợi		3.211					3.211	3.211	
IV	Văn hóa		Văn hóa		10.000					10.000	10.000	
1	6.2 - Văn hóa	Chưa có mã	Xây dựng cổng, hàng rào và các công trình phụ trợ nhà văn hóa các ấp Xã Thuận Lợi.		10.000					10.000	10.000	
V	Khoa học, công nghệ		Khoa học, công nghệ		4.000					4.000	4.000	
1	1 - Khoa học, công nghệ	Chưa có mã	Đề án mua sắm trang thiết bị		4.000					4.000	4.000	
VI	Thương mại		Thương mại		5.000					5.000	5.000	
1	1 - Thương mại	Chưa có mã	Xây dựng chợ Xã Thuận Lợi		5.000					5.000	5.000	
VII	Môi trường		Môi trường		3.000					3.000	3.000	

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ- CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)				Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Luỹ kế giải ngân đầu tư dự án đến năm 2025	Nhu cầu vốn 2026- 2030	Dự kiến kế hoạch 2026-2030	Ghi chú
				Số/ngày	TMDT							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn TW, Tỉnh, khác	Trong đó: NS tỉnh giao	Trong đó NS xã					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11	12
1	1 - Môi trường	Chưa có mã	Xây dựng bờ rác trung chuyển Xã Thuận Lợi		3.000					3.000	3.000	
VIII	Cấp nước, thoát nước		Cấp nước, thoát nước		2.000					2.000	2.000	
1	10.2 - Cấp nước, thoát nước	Chưa có mã	Nâng cấp, cải tạo 01 cống trên tuyến đường Thuận Lợi - Đồng Tâm và 02 cống trên đường BTXM tổ 2 và 3 ấp Bù Xăng theo kiến nghị cử tri		2.000					2.000	2.000	
IX	Quốc phòng		Quốc phòng		5.000					5.000	5.000	
1	1 - Quốc phòng	Chưa có mã	Xây dựng phòng làm việc Ban chỉ huy Quân sự Xã Thuận Lợi		5.000					5.000	5.000	
X	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an cấp xã giai đoạn 2025-2030: -Dự kiến TMDT: 42 tỷ đồng/trụ sở đối với quy mô 40 cán bộ, chiến sỹ -Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh							0	0	